

Nhân Mother's Day, vinh danh hai người mẹ Việt Nam.

Thiện Ý

Theo truyền thống văn hóa Hoa Kỳ, hàng năm vào ngày Chủ nhật thứ hai của Tháng Năm là ngày lễ "*Mother's Day*" (*Ngày của Mẹ*). Năm nay, "*Ngày của Mẹ*" rơi vào ngày 9-5-2021. Trong ngày này, người chồng và các con thường có thói quen gửi thiệp chúc mừng, tặng hoa, mua sắm quà tặng cho người Mẹ, tổ chức những bữa ăn ở nhà hay nhà hàng để bày tỏ lòng biết ơn người Mẹ có công sinh thành dưỡng dục (*đối với các con*) hay chia sẻ mọi nỗi trong cuộc sống lứa đôi (*đối với người chồng, cha của những đứa con*). Trong quan hệ xã hội, vào ngày "**Mother's Day**", câu chúc trên cửa miệng của người Hoa Kỳ là "*Happy Mother's*

Day” khi gặp các bà đã làm mẹ hay phụ nữ sẽ làm mẹ.

Tục ngữ Việt Nam có câu *“Nhập gia tùy tục, đáo sông tùy khúc”*. Vì thế, nhân dịp *“Mother’s Day”* năm nay, ngoài Thiệp chúc mừng kèm một bó hoa hồng tươi tặng hiền thê như hàng năm, tôi muốn viết bài này để vinh danh hai người Mẹ Việt Nam. Đó là Mẹ tôi (*đã khuất*) và Mẹ của các con tôi, là hiền thê của tôi.

Vinh danh Mẹ tôi, người Mẹ đã khuất ở tuổi 90 (1913-2003) mà gần cả cuộc đời đã sống cô đơn, vất vả một mình dưỡng nuôi tôi ăn học, khôn lớn thành người.

*“Chốn ngục tù canh khuya thao thức,
Nhớ Mẹ hiền ngăn cách đôi nơi,
Con thương Mẹ lắm, Mẹ ơi!*

Vì đời Mẹ đã ít vui khổ nhiều...”

Thật vậy, nghe Mẹ tôi kể, khi tôi còn trong bụng mẹ, Cha tôi đã đưa bà từ quê nội về quê ngoại để sinh tôi, rồi ông ra đi biệt tăm biệt tích. Khi đó là vào khoảng những tháng đầu năm 1945, Mẹ tôi mới ngoài 30 tuổi. Khoảng một tháng sau Mẹ sinh tôi ra không có Cha bên cạnh. Mẹ tôi đã sống và nuôi tôi dưới sự bao bọc của bà ngoại và tình thương của chị em, con cháu bên ngoại.

*“Mẹ ơi, con còn nhớ đôi lần Mẹ nhắc,
Chuyện Cha con bỏ mặc con thơ,
Và mình Mẹ bơ vơ về quê ngoại,
Con đã sống những ngày thơ dại,
Bằng tình thương bên ngoại ban cho,
Con đã sống những ngày no đủ,
Bằng tình thương ấp ủ Mẹ hiền,*

Và ngày tháng triền miên trong lòng Bà Ngoại...”.

Mãi đến năm lên bốn tuổi (1945-1949) tôi mới được gặp một người mà “U tôi” nói với tôi “*Thày mà y đấy*”. Tôi rụt rè, e ngại, nắm áo Mẹ, lấm lét nhìn người đàn ông xa lạ mặc âu phục, veston, cà vạt... Tương phản với Mẹ tôi ăn mặc quê mùa, áo cánh, quần đen, đầu vấn khăn độn chít khăn nhưng mở quạ. Tôi nhớ lần đầu tiên gọi Cha tôi là “*Thày*” là khi ngồi trên xe hàng (xe *chở khách*) từ Phủ Lý, thủ phủ của Tỉnh Hà Nam, theo Cha tôi về Nam Định, dọc đường xe ngừng lại. Tôi thấy người ta bán kem (cà-rem) và quà bánh dưới đường, thì xin Mẹ “*U! con muốn ăn kem*”. Mẹ tôi chỉ cha tôi ngồi ghế băng trước, vì bà mới ở nhà quê lên tỉnh đâu có tiền. Tôi rụt rè vỗ nhẹ vai Cha tôi “*Thày! Con muốn ăn kem*”. Ông lảng lảng móc ví đưa cho tôi mấy

xu và nói nhỏ với tôi câu này *“gọi là cậu, đừng gọi là thầy”*. Sau này tôi mới biết dân tỉnh thành ở Miền Bắc thời đó gọi cha mẹ bằng *“Cậu, Mợ”*. Từ đó tôi gọi Cha tôi là *“cậu”*, song vẫn gọi Mẹ tôi là *“U”*. Mãi sau này tôi mới biết là, năm đó Cha tôi đã đưa Mẹ tôi về quê ngoại sinh tôi rồi đi biệt tích là ông đã lên Hà Nội tham gia *“Cướp chính quyền tháng 8 năm 1945”* do Việt Minh (một tổ chức trá hình của Việt cộng) thực hiện. Sau đó, khi Nhật trong phe trục (Đức-Ý-Nhật) bại trận phải đầu hàng phe đồng minh (Mỹ-Anh-Pháp...) trong Thế Chiến II; rồi Pháp trở lại, Việt Minh phát động và chủ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp 8 năm cuối cùng (1946-1954). Có lẽ do Cha tôi là người thông thạo nói và viết tiếng Pháp (gốc nhà tu xuất tu khi gặp Mẹ tôi ở một xứ đạo mà ông là Thầy giúp xứ), nên Việt Minh đã cài được Cha tôi vào làm việc

trong Sở mật thám của Pháp (*Deuxième Bureau: Phòng Nhì*) ở Nam Định.

Thế rồi, Mẹ con tôi chỉ sống chung với Cha tôi khoảng hai năm (1949-1951), dường như bị lộ do Pháp nghi ngờ gì đó...Thế là Mẹ tôi lại phải đem tôi và đưa em trai mới sinh chưa đầy năm về lại quê ngoại ở “vùng tự do” (*Do Việt Minh kiểm soát, tương tự như “vùng giải phóng” do Việt cộng kiểm soát sau này*), khác “Vùng tề” (*Do Pháp cai trị, tương tự như vùng quốc gia do chính phủ quốc gia VNCH sau này kiểm soát*). Còn Cha tôi được “Tổ chức” điều vào Miền Nam làm công nhân cạo mũ, rồi phơi mũ trong nhà máy tại Đồn điền cao xu đất đỏ Hớn Quản, Quản Lợi (*Bình Long, An Lộc sau này*) để hoạt động trong phong trào công nhân.

Sau Hiệp Định Genève 1954 chia đôi đất nước, Mẹ tôi đem tôi di cư vào Miền Nam tìm gặp lại Cha tôi. Có lẽ, bằng những kinh nghiệm sống trong “*vùng tự do*” của Việt Minh cộng sản, Mẹ tôi đã thuyết phục được Cha tôi từ bỏ ý định “*tập kết*” trở về Miền Bắc; cùng Mẹ con tôi đến sống tại Trại di cư Bàu Trai thuộc Tỉnh Long An. Tại đây, một lần có một người Cha tôi gọi là chú Hựu (hay Xứng) từ Đồn điền cao su đến thăm, khuyến dụ Cha tôi rằng “*Anh trở lại với chúng em. Vì chúng em rất cần anh...*”. Sau đó dường như muốn tránh sự lôi kéo trở lại hoạt động thời “*chống Mỹ cứu nước*” sau này của Việt Cộng, Cha tôi tìm cách đưa gia đình lên sống ở một dinh điền tân lập trên Banmêthuột (Trại Chi Lăng) để làm ruộng rẫy. Vì “*ăn phải bả tuyên truyền của Việt Minh*” như Mẹ tôi nói, nên có lẽ Cha tôi đã coi chính quyền quốc gia chỉ là công cụ của ngoại bang, thực dân Pháp

trước, “đế quốc Mỹ” sau. Vì thế Cha tôi đã không đem sở học và kinh nghiệm nghề nghiệp (*tình báo, dạy học..*) ra cộng tác với chính quyền quốc gia, mà đưa gia đình làm ruộng, làm rẫy. Với tương học trò, như Mẹ tôi nói, không quen với lao động nặng nhọc, ăn uống kham khổ, Cha tôi đã chết vì lao lực vào năm 1960 ở tuổi 53 (1907-1960) tại nhà thương công thành phố Banmethuot. Thế nên...

*“Từ những đêm mưa tuôn Đồn điền Đất Đỏ,
Đến những ngày nắng gió Đất đỏ Cao Nguyên,
Gia đình ta đang sống bình yên,
Cha vội bỏ về miền thiên cổ,
Khi luống đất trồng khoai còn bỏ dở,
Mẹ lại một mình đói khổ nuôi con!”...*

Như vậy là cả đời Mẹ tôi chỉ sống chung với Cha tôi trước sau chưa đầy mười năm. Năm 1960

Cha tôi mất, khi đó tôi mới 15 tuổi. Mẹ con phải làm ruộng làm rẫy và gói bánh bán nuôi thân.

“Mẹ ơi!

Mẹ có nhớ những chiều nắng Hạ,

Ta vào rừng tìm hái lá dong,

Đem về ta gói bánh chưng,

Con đem đội bán khắp vùng Chi Lăng

Con tui phận nên càng gắng học,

Mẹ thương con nào quản nhọc nhằn,

Mong sao con sớm thành nhân,

Để Mẹ bớt phần nặng gánh lo toan”...

Mặc dầu Mẹ tôi quê mùa ít học, chỉ biết đọc, biết viết, nhưng đầu óc rất tiến bộ. Mẹ tôi lúc sinh thời, mỗi khi có ai nói *“Bà chỉ có một mẹ một con, sao không cưới vợ sớm cho cậu ấy để có cháu bế bồng...”*. Mẹ tôi luôn trả lời rằng *“Tôi không có của cải gì để lại cho con, nhưng sẽ để*

chữ nghĩa cho nó. Nếu ngày nào nó còn muốn học, tôi sẽ nuôi nó ăn học. Vì ngày xưa lúc cha mẹ tôi thuê thầy về nhà dạy học cho tôi và cậu em trai, tôi đã tìm cách trốn học nên mới thất học như hôm nay...”. Quả thực tôi được học hành đến nơi đến chốn, chính là nhờ Mẹ tôi đã để tôi được tự do học hành, chọn vợ, lấy vợ...

Vì vậy tôi đã chọn vợ và cưới vợ năm 28 tuổi (1945-1973), khi công đã thành, dù danh chưa toại do thời thế đổi thay. Vợ tôi sinh tại Hà Nội, Cha là công chức chính phủ quốc gia, khi di cư vào Nam năm 1954, còn bế ngửa trên tay. Chúng tôi đã gặp nhau năm 1972, yêu nhau, rồi cưới nhau một năm sau đó. Hiền thê của tôi, chính là người Mẹ thứ hai của bốn đứa con sau này mà tôi muốn vinh danh trong bài viết này.

Vinh danh vì hiền thê đã sinh cho tôi bốn đứa con ba gái, một trai, hoàn hảo về thể chất và tinh thần; và cùng tôi nuôi dạy các con khôn lớn thành người hữu dụng cho bản thân, gia đình và xã hội. Con gái đầu lòng sinh ngày 7-4-1975, đúng 23 ngày trước biến cố đổi đời 30-4-1975. Khi đến Hoa Kỳ năm 1992 cháu 16 tuổi, đã tốt nghiệp Tiến sĩ Dược khoa. Đứa con út đến Mỹ mới 3 tuổi cũng đã tốt nghiệp Tiến sĩ y khoa. Còn hai đứa giữa, con gái 44 tuổi làm y tá, con trai 42 tuổi đang làm chuyên viên kỹ thuật thuộc Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ...

Nhưng điều đáng vinh danh hơn nữa, là trong thời gian ba năm tôi bị cầm tù vì tham gia thành lập và hoạt động trong Mặt Thận Nhân Quyền Việt Nam, Hiền thê của tôi đã vất vả trăm bề, làm đủ mọi nghề lương thiện để phụng dưỡng Mẹ tôi, nuôi dạy các con tôi và chắt chiu từng

đồng mỗi tháng để có đủ tiền nua đồ thắm nuôi
tôi trong những tháng năm tù đầy (1978-1981)
Hiền thê cũng là Mẹ của bốn đứa con tôi, đã
phải đi bán dạo vé số, bán quần áo cũ, buôn
(lậu) hàng chuyển, bán thuốc Tây chợ trời.... Tất
cả được ghi nhận, vinh danh qua bài thơ “ *Nhớ
Vợ hiền*” cảm tác từ nhà tù số 4 Phan Đăng Lưu
vào năm 1980 như sau:

*“Chốn ngục tù canh khuya thao thức,
Nhớ vợ hiền ngăn cách đôi nơi,
Anh thương Mình lắm, Mình ơi?
Vì đâu em phải cảnh đời đắng cay?”*

*Nghe Em kể những ngày gian khổ,
Theo chị em làm đủ mọi nghề,
Từ những chuyến xuôi về Miền Tây chạy gạo,
Đến những ngày bán áo buôn quần,
Đó đây lăn lộn một thân,*

*Bây giờ lại bàn thuốc Tây chợ trời,
Trải bao ngày rộng, tháng dài,
Còn đâu vóc liễu, thân mai ngày nào?
Suy đi càng thấy xuyên xao,
Nghĩ lại dạt dào cảm xúc yêu thương,
Yêu thương càng thấy tư vương,
Như cảnh trời buồn vì áng mây che...”*

Xin được kết thúc bài “**Vinh danh hai người Mẹ Việt Nam**” nhân **Mother’s Day** (*Ngày của Mẹ*) năm nay 2021, bằng những câu kết của hai bài thơ cảm tác từ trong nhà tù Việt Cộng số 4 Phan Đăng Lưu vào năm 1980:

- **Nhớ Mẹ hiền, rằng:**

*“Thôi Mẹ ạ! Con xin minh xác,
Với Mẹ rằng con sắp thành nhân,
Mai đây khi được sống gần,*

*Sẽ làm cho Mẹ có phần sướng vui,
Bên đàn cháu nhỏ thương yêu,
Là niềm an ủi xế chiều Mẹ ơi!”*

• **“Nhớ Vợ hiền”, rằng:**

*“Bao giờ gió cuốn mây đi,
Là lúc anh được trở về bên Em.
Đôi ta vui sống bình yên,
Nuôi con, dưỡng Mẹ một niềm thủy chung”.*

Thiện Ý

Houston, Mother’s Day 2021.

Chú thích:

- Những câu thơ trong bài viết đều là trích đoạn từ hai bài thơ “Nhớ Mẹ hiền” và “Nhớ Vợ hiền” mà chúng tôi cảm tác năm 1980 tại

nhà tù số 4 Phan Đăng Lưu gần Chợ Bà
Chiểu và Lăng Ông (Lê Văn Duyệt) Gia định.